

Số 36 /TTr-STNMT

Điện Biên, ngày 12 tháng 02 năm 2020

TỜ TRÌNH

Đề nghị thẩm định Phương án giá đất cụ thể tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với thửa đất của Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên tại địa bàn phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

Kính gửi: Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 1 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; các Thông tư hướng dẫn Nghị định của chính phủ có liên quan; Thông tư Liên tịch số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 hướng dẫn việc thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, thẩm định phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 1097/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2012 của UBND tỉnh Điện Biên về việc thu hồi đất của Báo Điện Biên Phủ đã được giao đất tại Quyết định số 107/QĐ-UB/XD ngày 24/3/1995 của UBND tỉnh Lai Châu cũ (nay là tỉnh Điện Biên), cho phép Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên thuê đất để làm cơ sở sản xuất kinh doanh;

Sở Tài nguyên và Môi trường trình Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh thẩm định giá đất cụ thể như sau:

Giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm cho thửa đất của Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên tại địa bàn phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên là 26.560.000 đồng/m²;

Đề nghị Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh thẩm định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo sở;
- Lưu: VT, CCQLĐĐ, TTPTQĐ



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đăng Nam

Điện Biên, ngày 12 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO THUYẾT MINH

Phương án giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm đối với thửa đất của Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên tại địa bàn phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

(Kèm theo tờ trình số 3/CTTr-STNMT ngày 12 tháng 02 năm 2020 của STNMT)

1. Các căn cứ xác định giá đất

Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về giá đất;

Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Kế hoạch số 240/KH-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh Điện Biên V/v Định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh năm 2019;

Quyết định số 1097/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2012 của UBND tỉnh Điện Biên về việc thu hồi đất của Báo Điện Biên Phủ đã được giao đất tại Quyết định số 107/QĐ-UB/XD ngày 24/3/1995 của UBND tỉnh Lai Châu cũ (nay là tỉnh Điện Biên), cho phép Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên thuê đất để làm cơ sở sản xuất kinh doanh;

Báo cáo số 12/BC-TTPTQĐ ngày 7/2/2020 của Trung tâm phát triển quỹ đất.

2. Mục đích xác định giá đất và các thông tin về thửa đất cần định giá

2.1. Mục đích định giá đất cụ thể:

Xác định giá cụ thể để xác định đơn giá cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm.

2.2. Thông tin về thửa đất cần định giá và tính pháp lý.

a) Thông tin về thửa đất cần định giá:

- Thửa đất của Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên thuộc địa phận phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ; Thửa đất thuộc vị trí 1 đường Trần Đăng Ninh “đoạn từ ngã ba Hải Quan đến hết cầu Thanh Bình”, có các mặt tiếp giáp như sau (Phía Bắc giáp đường Trần Đăng Ninh; Phía Nam giáp đất Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Phía Đông giáp đất Cục Hải Quan Điện Biên; Phía Tây giáp khu dân cư).

- Diện tích thuê là: 909,0m² (theo GCN QSD đất số vào sổ cấp GCN CT00826 ngày 22 tháng 3 năm 2013) lấy tại thời điểm định giá đất cụ thể.

- Loại đất cần định giá cụ thể là: Đất thương mại dịch vụ tại đô thị; vị trí 1.

b) Tính pháp lý của thửa đất cần định giá:

Thửa đất của Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên đã được cấp GCN QSD đất, số vào sổ cấp GCN CT00826 ngày 22 tháng 3 năm 2013.

3. Đánh giá tình hình và kết quả điều tra, tổng hợp thông tin về giá đất thị trường.

3.1. Kết quả điều tra:

Tổng số phiếu điều tra đối với 01 loại đất ở tại đô thị là 03 phiếu. Vị trí của các thửa đất điều tra là vị trí 1.

3.2. Tổng hợp thông tin:

Đối với đất thương mại, dịch vụ tại đô thị trong quá trình điều tra, khảo sát không có các giao dịch thành công trên thị trường đối loại đất này. Do vậy điều tra, khảo sát đối với đất ở đô thị làm cơ sở xác định giá đất thương mại, dịch vụ;

- Đất ở tại đô thị:

STT	Bên chuyển nhượng	Bên nhận chuyển nhượng	Diện tích (m ²)	Giá trị chuyển nhượng trên hợp đồng (Đồng)	Giá trị chuyển nhượng điều tra thực tế (đồng)	Thời điểm chuyển nhượng
1	Nguyễn Thị Nguyên	Hoàng Thị Nga - Nguyễn Xuân Thân	67,1	500.000.000	1.400.000.000	3/2018
2	Nguyễn Đức Trọng - Trần Thị Bình	Vũ Thị Minh Nhật - Phan Thanh Bình	87,5	600.000.000	1.880.000.000	02 /2018

3	Đinh Thị Thơm - Trần Trọng Khang	Trần Thị Loan - Nguyễn Duy Tuyền	80	1.000.000.000	2.000.000.000	7/2018
---	-------------------------------------	-------------------------------------	----	---------------	---------------	--------

4. Áp dụng phương pháp định giá đất.

- Đối với đất ở: áp dụng phương pháp so sánh trực tiếp.

- Đối với đất thương mại, dịch vụ tại đô thị: Trên cơ sở xác định được giá đất cụ thể của đất ở tại đô thị và căn cứ vào bảng 1, phụ lục 4 của Bảng giá đất tại Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Điện Biên để xác định như sau:

Đất thương mại, dịch vụ tại đô thị: mức giá đất của từng khu vực, đường phố, từng vị trí bằng (=) 80% giá đất ở theo từng khu vực, từng đường phố, từng vị trí tương ứng.

5. Kết quả xác định giá đất và đề xuất phương án giá đất cụ thể.

5.1. Kết quả xác định giá đất:

- Thửa đất cần định giá là thửa đất số 15, TĐĐ số 4, ký hiệu là thửa đất A;

+ Thửa đất so sánh B là thửa đất số 73 tờ bản đồ số 65, tổ 14 P.Him Lam.

Vị trí 1 đường Võ Nguyên Giáp (giao dịch thành công tháng 12 năm 2018). Ký hiệu là thửa đất SSB;

+ Thửa đất so sánh C là thửa đất số 30 tờ bản đồ số 57, tổ 11 p. Him Lam. Vị trí 1 đường Võ Nguyên Giáp (giao dịch thành công tháng 12 năm 2018). Ký hiệu là thửa đất SSC;

+ Thửa đất so sánh D là thửa đất số 251 tờ bản đồ số 5 (bản đồ lập năm 2010) P.Tân Thanh. Vị trí 1 đường Võ Nguyên Giáp (giao dịch thành công tháng 5 năm 2018). Ký hiệu là thửa đất SSD;

Bảng thông tin thu thập cụ thể:

TT	ĐẶC ĐIỂM BĐS	Thửa đất cần định giá A	Thửa đất SS B	Thửa đất SS C	Thửa đất SS D
1	Địa chỉ	Phường Mường Thanh	Tổ 14, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Tổ 11, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Tổ dân phố 3, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên
2	Nguồn tin	Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt	Vũ Văn Nam - Tổ 14 - p. Him Lam	Trần Thị Huệ - tổ 11 - p. Him Lam	Trần Công Nhi - TDP 3 - p. Tân Thanh

		Nam - Chi nhánh Điện Biên			
3	Mục đích sử dụng		Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị
4	Vị trí	Gần trung tâm thành phố, đối diện chợ, xa trường học, bệnh viện, tập trung dân cư, thuận lợi kinh doanh, thương mại và dịch vụ	Xa trung tâm thành phố, xa trường học, bệnh viện, chợ, tập trung đông dân cư	Xa trung tâm thành phố, xa trường học, chợ, gần bệnh viện đa khoa thành phố, tập trung đông dân cư	Gần trung tâm thành phố, xa trường học, bệnh viện, chợ, tập trung đông dân cư, thuận lợi kinh doanh, thương mại và dịch vụ
5	Giao thông	Đường Trần Đặng Ninh - Bề rộng mặt cắt đường là 32m	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp. Bề rộng mặt cắt Đường 32m	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp. Bề rộng mặt cắt Đường 32m	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp. Bề rộng mặt cắt Đường 32m
6	Thời điểm chuyển nhượng		Tháng 12 năm 2018	Tháng 12 năm 2018	Tháng 5 năm 2018
7	Hình dạng	Hình chữ nhật phần đuôi thừa đất không vuông vức	Hình chữ Nhật vuông vức	Hình chữ Nhật vuông vức	Hình chữ Nhật phần đuôi thừa đất không vuông vức
8	Diện tích, kích thước				
	Diện tích đất (m ²)	909,0	100,0	80,0	86,5
	Mặt tiền (m)	20,0	4,00	4,00	3,80
	Chiều sâu (m)	45,00	25,00	20,00	22,76
9	Tài sản trên đất		Không có	Không có	Không có
10	Tình trạng pháp lý về quyền sử dụng đất	Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
11	Các yếu tố hạ tầng				
	Điện - nước sinh hoạt, thoát nước thải	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
12	Giá trị đất chuyển nhượng thực tế (đồng)	<i>Cần xác định</i>	2.600.000.000	2.500.000.000	2.750.000.000

13	Giá đất chuyển nhượng thực tế (đồng/m ²)	Cần xác định	26.000.000	31.250.000	31.791.908
----	--	--------------	------------	------------	------------

- Điều chỉnh mức giá do các yếu tố khác biệt của các thửa đất so sánh với thửa đất cần định giá:

- So sánh yếu tố vị trí: Thửa đất A (Gần trung tâm thành phố, đối diện chợ, xa trường học, bệnh viện, tập trung dân cư, thuận lợi kinh doanh, thương mại và dịch vụ) hơn thửa đất B (Xa trung tâm thành phố, xa trường học, bệnh viện, chợ, tập trung đông dân cư) là 16%, hơn thửa đất C (Xa trung tâm thành phố, xa trường học, chợ, gần bệnh viện đa khoa thành phố, tập trung đông dân cư) là 10%; hơn thửa đất D (Gần trung tâm thành phố, xa trường học, bệnh viện, chợ, tập trung đông dân cư, thuận lợi kinh doanh, thương mại và dịch vụ) là 6%

Nếu coi yếu tố vị trí của thửa đất A là 100% thì các thửa đất so sánh B, C, D lần lượt là 84%; 90%; 94%;

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất so sánh B là:

$$\frac{100\% - 84\%}{84\%} = 19,05\%$$

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất so sánh C là:

$$\frac{100\% - 90\%}{90\%} = 11,11\%$$

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất so sánh D là:

$$\frac{100\% - 94\%}{94\%} = 6,38\%$$

- So sánh yếu tố về hình dáng: Thửa đất A bằng thửa đất D (Hình chữ Nhật phần đuôi thửa đất không vuông vức) kém 2 thửa đất B, C (hình chữ nhật vuông vức) là 5%;

Nếu coi yếu tố hình của thửa đất A là 100% thì các thửa đất so sánh B, C, D là 105%; 105%; 100%

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất so sánh B, C là:

$$\frac{100\% - 105\%}{105\%} = -4,76\%$$

- So sánh các yếu tố về diện tích, kích thước:

+ Thửa đất A (có kích thước mặt tiền là 20 m) hơn 2 thửa đất B, C (Có kích thước mặt tiền 4,0m) là 8%; hơn thửa đất D (Có kích thước mặt tiền 3,8m) là 8,5%;

+ Thửa đất A (có chiều sâu là 45 m) kém thửa đất B (có chiều sâu là 25m) là 4%; kém thửa đất C (có chiều sâu là 20m) là 6% ; kém thửa đất D (có chiều sâu là 22,76 m) là 5%;

Nếu coi yếu tố diện tích, kích thước của thửa đất A là 100% thì các thửa đất so sánh B, C, D lần lượt là 96%; 98%; 96,5%;

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất so sánh B là:

$$\frac{100\% - 96\%}{96\%} = 4,17\%$$

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất so sánh C là:

$$\frac{100\% - 98\%}{98\%} = 2,04\%$$

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất so sánh D là:

$$\frac{100\% - 96,5\%}{96,5\%} = 3,63\%$$

Bảng so sánh và điều chỉnh số liệu:

TT	YẾU TỐ SO SÁNH	Thửa đất cần định giá A	Thửa đất SS B	Thửa đất SS C	Thửa đất SS D
1	Diện tích (m2)	909,0	100,0	80,0	86,5
2	Giá trị đất chuyên nhượng đưa về tại thời điểm xác định tháng 12 năm 2019 (đồng)	<i>Cần xác định</i>	2.600.000.000	2.500.000.000	2.750.000.000
3	Giá đất chuyên nhượng đưa về tại thời điểm xác định tháng 12 năm 2019 (đồng/m ²)	<i>Cần xác định</i>	26.000.000	31.250.000	31.791.908
4	Điều chỉnh các yếu tố so sánh				
4.1	Vị trí	Gần trung tâm thành phố, đối diện chợ, xa trường học, bệnh viện, tập trung dân cư,	Xa trung tâm thành phố, xa trường học, bệnh viện, chợ, tập trung đông dân cư	Xa trung tâm thành phố, xa trường học, chợ, gần bệnh viện đa khoa thành phố, tập trung	Gần trung tâm thành phố, xa trường học, bệnh viện, chợ, tập trung đông dân cư, thuận

		thuận lợi kinh doanh, thương mại và dịch vụ		đồng dân cư	lợi kinh doanh, thương mại và dịch vụ
	Tỷ lệ	100%	84%	90%	94%
	Tỷ lệ điều chỉnh (%)		19,05%	11,11%	6,38%
	Mức điều chỉnh (đồng/m ²)		4.952.380,95	3.472.222,22	2.029.270,69
4.2	Giao thông	Đường Trần Đăng Ninh - Bề rộng mặt cắt đường là 32m	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp. Bề rộng mặt cắt Đường 32m	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp. Bề rộng mặt cắt Đường 32m	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp. Bề rộng mặt cắt Đường 32m
	Tỷ lệ	100%	100%	100%	100%
	Tỷ lệ điều chỉnh (%)		0,00%	0,00%	0,00%
	Mức điều chỉnh (đồng/m ²)		0,00	0,00	0,00
4.3	Hình dáng	Hình chữ Nhật phần đuôi thửa đất không vuông vức	Hình chữ Nhật vuông vức	Hình chữ Nhật vuông vức	Hình chữ Nhật phần đuôi thửa đất không vuông vức
	Tỷ lệ	100%	105%	105%	100%
	Tỷ lệ điều chỉnh (%)		-4,76%	-4,76%	0,00%
	Mức điều chỉnh (đồng/m ²)		-1.238.095,24	-1.488.095,24	0,00
4.4	Diện tích, kích thước	909.0	100,0	80,0	86,5
	Mặt tiền (m)	20,00	4,00	4,00	3,80
	Chiều sâu (m)	45,00	25,00	20,00	22,76
	Tỷ lệ	100%	96%	98%	96,5%
	Tỷ lệ điều chỉnh (%)		4,17%	2,04%	3,63%
	Mức điều chỉnh (đồng/m ²)		1.083.333,33	637.755,10	1.153.074,37
4.5	Yếu tố hạ tầng				
	Điện - nước sinh hoạt, thoát nước thải	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
	Tỷ lệ	100%	100%	100%	100%
	Tỷ lệ điều chỉnh (%)		0,00%	0,00%	0,00%

Mức điều chỉnh (đồng/m ²)		0,00	0,00	0,00
Giá đất ước tính của thửa đất cần định giá theo từng thửa đất so sánh (đồng/m ²)	33.214.585	30.797.619	33.871.882	34.974.253
Tỷ lệ điều chỉnh chung (%)		7,85%	-1,94%	-5,03%
Giá đất lấy tròn(đồng/m ²)	33.200.000			

- Giá đất của thửa đất A bảo đảm chênh lệch với các giá đất ước tính không quá 10%;

Kết luận: Giá đất cụ thể của thửa đất cần định giá A là 33.200.000 đồng/m².

- Đối với đất thương mại, dịch vụ tại đô thị: Trên cơ sở xác định được giá đất cụ thể của đất ở tại đô thị và căn cứ vào bảng 1, phụ lục 4 của Bảng giá đất tại Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Điện Biên để xác định như sau: Đất thương mại, dịch vụ tại đô thị = 33.200.000 đồng/m² x 80% = 26.560.000 đồng/m².

5.2. Đề xuất phương án giá đất:

Giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm cho thửa đất của Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên tại địa bàn phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên là 26.560.000 đồng/m²;

6. Đánh giá tác động về kinh tế - xã hội của phương án giá đất

Giá đất cụ thể đề nghị tương đối phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo hài hòa lợi ích của người sử dụng đất và lợi ích nhà nước.

Sở Tài nguyên và Môi trường trình Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh./.

KT: GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Số: /QĐ-UBND

Điện Biên, ngày tháng 02 năm 2020

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt giá đất cụ thể giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với thửa đất của Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên tại địa bàn phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 1 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Thông tư Liên tịch số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 hướng dẫn việc thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, thẩm định phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 1097/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2012 của UBND tỉnh Điện Biên về việc thu hồi đất của Báo Điện Biên Phủ đã được giao đất tại Quyết định số 107/QĐ-UB/XD ngày 24/3/1995 của UBND tỉnh Lai Châu cũ (nay là tỉnh Điện Biên), cho phép Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên thuê đất để làm cơ sở sản xuất kinh doanh;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-STNMT ngày tháng 02 năm 2020 và Thông báo số /TB-HĐTĐGD ngày tháng 02 năm 2020 của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với thửa đất của Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt

Nam - Chi nhánh Điện Biên tại địa bàn phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, như sau:

Đất thương mại, dịch vụ tại đô thị, vị trí 1 là 26.560.000 đồng/m²;

Điều 2: Căn cứ giá đất cụ thể được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm xác định đơn giá cho thuê đất để tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm thừa đất của Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên tại địa bàn phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Điện Biên Phủ; Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên tại địa bàn phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**